

Quyền quyết định giữa vợ và chồng trong các việc quan trọng của gia đình

Hoàng Thị Hoa Mai*

Tóm tắt: Quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình là chỉ báo thể hiện mức độ bình đẳng giới trong gia đình. Bài viết dựa trên số liệu khảo sát định lượng của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Xây dựng bộ chỉ số về bình đẳng giới”, thuộc Chương trình “Xây dựng bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là cơ quan chủ trì. Cuộc khảo sát thu thập thông tin về thực trạng bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục, lao động việc làm, chăm sóc sức khỏe, gia đình và bạo lực giới, với 601 bảng hỏi người dân trong độ tuổi 20 - 60, đang có vợ/chồng, sinh sống trên địa bàn bốn xã, phường tại Thái Nguyên và Sóc Trăng. Bài viết phân tích quan niệm, thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyền ra quyết định giữa vợ và chồng trong các công việc quan trọng của gia đình. Ở đa số các gia đình trong mẫu nghiên cứu, hai vợ chồng cùng quyết định các công việc quan trọng của gia đình. Các yếu tố học vấn, nghề nghiệp, độ tuổi, việc sử dụng Internet có những ảnh hưởng nhất định đến sự tham gia của cả vợ và chồng trong quyền quyết định các công việc gia đình.

Từ khóa: Gia đình; Quyền quyết định trong gia đình; Bình đẳng giới trong gia đình; Quan hệ vợ chồng.

Phân loại ngành: Xã hội học.

Ngày nhận bài: 31/7/2024; ngày chỉnh sửa: 23/8/2024; ngày duyệt đăng: 16/9/2024.

1. Mở đầu

Quyền quyết định là chỉ báo thể hiện cán cân quyền lực giữa vợ và chồng trong gia đình. Đây là yếu tố cho thấy sự bình đẳng giới trong gia đình và được xác định là một trong những chỉ báo quan trọng của bình đẳng giới trong xã hội.

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Cho đến nay, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản luật và các quy định về bình đẳng giới nhằm bảo vệ và nâng cao vị thế của người phụ nữ. Điều 18 trong Luật Bình đẳng giới có ghi “Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự... Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình”.

Cho đến nay, quyền quyết định giữa vợ và chồng là một trong số những chủ đề nghiên cứu chính khi đánh giá về bình đẳng giới trong gia đình. Quyền quyết định đã được quan tâm nghiên cứu trong bối cảnh bình đẳng giới ngày càng được đảm bảo theo chiều hướng từ một số quyết định độc lập của vợ hoặc chồng trong hoạt động gia đình thì nay xu hướng cả hai cùng bàn bạc đưa ra quyết định chiếm tỷ lệ cao. Bên cạnh đó, một số hoạt động quan trọng còn mang định kiến giới như việc đó thuộc quyền quyết định của nam giới thì nay vai trò quyết định của người vợ ngày càng rõ nét. Hoặc như một số hoạt động mang tính đặc thù thuộc quyền quyết định của nữ giới thì nay sự tham gia của nam giới đã dần phá vỡ định kiến giới.

Trong bối cảnh quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình đã và đang có những biến đổi nhất định, bài viết xem xét quan điểm và thực trạng quyền quyết định của người vợ và người chồng trong các công việc quan trọng của gia đình. Bên cạnh đó, bài viết vận dụng cách tiếp cận hiện đại hóa, xem xét ảnh hưởng của các yếu tố độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, việc sử dụng Internet đến quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình. Quan điểm và thực trạng quyền quyết định trong gia đình của phụ nữ và nam giới ở Thái Nguyên và Sóc Trăng như thế nào? Các yếu tố ảnh hưởng đến quan điểm và thực trạng đó là gì?

2. Nguồn số liệu và cách tiếp cận

Nguồn số liệu

Bài viết dựa trên số liệu khảo sát định lượng của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Xây dựng bộ chỉ số về bình đẳng giới” thuộc Chương trình “Xây dựng bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là cơ quan chủ trì. Cuộc khảo sát, thu thập thông tin về thực trạng bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục, lao động việc làm, chăm sóc sức khỏe, gia đình và bạo lực giới. Tổng số 601 bảng hỏi người dân ở độ tuổi 20 - 60, đang có

vợ/chồng, sinh sống trên địa bàn bốn xã, phường tại Thái Nguyên¹ và Sóc Trăng² được thu thập năm 2022. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo cách thức chọn mẫu thuận tiện, đảm bảo cân đối các thành phần tham gia theo giới tính, nhóm tuổi, nghề nghiệp.

Cách tiếp cận

Vận dụng cách tiếp cận hiện đại hóa (Goode, 1963, 1982, 1987) cho thấy dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc ra quyết định về các công việc gia đình sẽ tiến tới bình đẳng hơn, trong đó vai trò của các yếu tố học vấn, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp là những yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2020). Trong bài viết này, các biến số giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, việc sử dụng Internet được đưa vào phân tích. Giả thuyết đặt ra là người có trình độ học vấn cao, những người trẻ tuổi hơn, người làm các công việc phi nông nghiệp, người thường xuyên sử dụng Internet thì quyền quyết định các hoạt động trong gia đình là lớn hơn.

3. Tổng quan về quyền quyết định giữa vợ và chồng trong một số hoạt động gia đình và các yếu tố tác động

Trước đây, khi tư tưởng trọng nam khinh nữ còn nặng nề thì nam giới, người chồng là trụ cột. Theo truyền thống, những hoạt động trong gia đình sẽ có sự phân công theo giới, phụ nữ thường đảm nhận và ra quyết định liên quan đến các công việc chi tiêu hàng ngày, nội trợ, chăm sóc người già, trẻ nhỏ, còn các quyết định cũng như những công việc lớn trong gia đình, các mối quan hệ cộng đồng, họ hàng thường do người chồng quyết.

Trong hoạt động chi tiêu của gia đình, các nghiên cứu cho thấy xu hướng người vợ quyết định các chi tiêu nhỏ hàng ngày, còn người chồng quyết định các chi tiêu lớn. Lê Việt Nga (2017) đã chỉ ra người vợ có quyền quyết định trong hoạt động chi tiêu cao hơn chồng. Nghiên cứu của Trần Thị Thanh Loan (2016) và Trần Hạnh Minh Phương (2017) cũng cho kết quả nghiên cứu tương tự. Đối với hoạt động mua sắm đồ dùng đắt tiền, vai trò quyết định trong gia đình lại có sự khác biệt, trong đó một số kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò quyết định trong lĩnh vực này phần lớn thuộc về người chồng. Nghiên cứu của Lê Việt Nga

¹ Phường Hoàng Văn Thụ và xã Quyết Thắng (thành phố Thái Nguyên); thị trấn Sông Cầu và xã Hóa Thượng (huyện Đồng Hỷ).

² Phường 1 và phường 4 (thành phố Sóc Trăng); xã An Hiệp và xã An Ninh (huyện Châu Thành).

(2017) và Vũ Thị Cúc (2018) đã chỉ ra người chồng có quyền quyết định chính - cao nhất. Quyền quyết định của người chồng thường lớn hơn người vợ trong việc mua sắm tài sản đất tiền hay làm các công việc lớn. Nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng (2019) cũng đưa ra kết quả đối với các khoản chi về mua sắm tài sản đất tiền và xây, sửa nhà cửa, tỷ lệ người chồng là người quyết định chính luôn cao hơn người vợ. Nghiên cứu của các tác giả Trần Hạnh Minh Phương (2017), Nguyễn Hữu Minh, Đặng Thị Hoa (2020) chỉ rõ sự tương đồng trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng. Các kết quả khảo sát cho thấy bức tranh tổng thể trong hoạt động chi tiêu của gia đình thường do người vợ nắm quyền quyết định, các chi tiêu lớn thì người chồng có tiếng nói hơn. Tuy nhiên, một số kết quả nghiên cứu cho thấy quyền quyết định trong hoạt động này dần có sự bình đẳng giới khi người chồng và người vợ cùng có sự bàn bạc và tham gia quyết định với các hoạt động chi tiêu lớn của gia đình. Tỷ lệ cao cả hai cùng quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình cho thấy sự bình đẳng giới đang từng bước được tạo lập trong gia đình.

Xem xét yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chi tiêu trong gia đình, Nguyễn Hữu Minh (2016) đã chỉ ra học vấn có vai trò rất quan trọng đến việc tăng quyền cho người phụ nữ trong việc quyết định chi tiêu. Học vấn cao giúp người phụ nữ có nhiều cơ hội tiếp cận với các công việc tốt, mức thu nhập tăng, người phụ nữ sẽ có tiếng nói nhiều hơn đối với các việc chi tiêu trong gia đình. Nghiên cứu của Lê Việt Nga (2017) cho thấy khi vợ có học vấn cao từ lớp 8 trở lên thì người vợ có ưu thế và tiếng nói hơn chồng trong việc quyết định mua sắm đồ dùng đất tiền. Xét về độ tuổi, người chồng là trung niên và người già thường nắm giữ và quyết định các khoản chi tiêu của gia đình. Điều này cho thấy các yếu tố về trình độ học vấn, độ tuổi có những tác động nhất định đến quyền quyết định giữa vợ và chồng trong hoạt động chi tiêu của gia đình.

Trong hoạt động sản xuất/kinh doanh và định hướng việc làm của gia đình, ở mỗi lĩnh vực sẽ có sự khác biệt trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng. Đối với công việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, nghiên cứu của Trần Thị Vân Nương (2015) cho thấy quyền hoạt động kinh tế của gia đình do người chồng quyết định chính, sau đó đến người vợ. Với hoạt động tổ chức/tham gia sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, các kết quả nghiên cứu của Vũ Thị Cúc (2018) cũng cho thấy người quyết định chính, chiếm tỷ lệ cao hơn cả là người chồng. Với vai trò trong việc định hướng việc làm, các nghiên cứu cho thấy bức tranh khác biệt giữa quyền quyết định của vợ và chồng. Nghiên cứu của Vũ Thị Cúc (2018) cho

thấy sự khác biệt rõ rệt trong quyền quyết định giữa vợ và chồng, trong khi người vợ chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ 5,3%, người chồng chiếm quyền quyết định lên đến 51,3%. Trái ngược với kết quả trên, nghiên cứu của Trần Hạnh Minh Phương (2017) cho thấy một bức tranh khác, xu hướng bình đẳng hơn trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng ở lĩnh vực này khi cả hai cùng nhau bàn thảo đưa ra quyết định chiếm tỷ lệ cao nhất. Như vậy, tùy vào đặc thù của mỗi loại hình công việc mà tỷ lệ người chồng hay người vợ quyết định. Nhưng nhìn chung, các kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy những công việc lớn thì người quyết định chính vẫn là người chồng. Bên cạnh đó, cũng có những nghiên cứu đã chỉ ra xu hướng bình đẳng hơn trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng ở lĩnh vực này khi cả hai cùng có tiếng nói chung và đưa ra quyết định.

Xét về góc độ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất/kinh doanh và định hướng việc làm gia đình, các yếu tố tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn đều thể hiện sự tác động. Nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2016) đã chỉ ra nhóm tuổi của nam giới càng cao thì mức độ quyết định chính là của phụ nữ trong sản xuất kinh doanh càng tăng. Cùng với yếu tố về tuổi, nghề nghiệp cũng có ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ, chồng trong hoạt động này. Theo Nguyễn Hữu Minh (2016), những người làm việc có lương cho rằng vợ là người quyết định chính trong sản xuất kinh doanh. Chồng không có việc làm cũng có tỷ lệ cao cho rằng vợ quyết định chính các hoạt động sản xuất kinh doanh. Về học vấn, xét theo khía cạnh học vấn của chồng, học vấn càng cao thì tỷ lệ vợ hoặc chồng ra quyết định chính trong sản xuất kinh doanh càng cao, nhất là vợ ra quyết định chính, và tỷ lệ hai vợ chồng cùng ra quyết định có xu hướng giảm. Những nghiên cứu trên đã cho thấy sự tác động của các yếu tố về tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn lên quyền quyết định đến hoạt động này trong gia đình. Tuy rằng các yếu tố trên không có sự tác động lớn khi xét tỷ lệ giữa vợ và chồng nhưng cho thấy sự hợp lý khi vận dụng lý thuyết hiện đại hóa trong nghiên cứu này.

Đối với hoạt động chăm sóc sức khỏe cho các thành viên trong gia đình, theo truyền thống thường do người vợ đảm nhận, vì vậy người quyết định chính thường là người vợ. Theo Lê Việt Nga (2017), Nguyễn Hữu Minh (2021), phụ nữ có tỷ lệ là người ra quyết định chính hay là người đồng ra quyết định chính ngang với nam giới ở những việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho các thành viên và những hoạt động xã hội chung của cả hai vợ chồng. Cùng kết quả nghiên cứu trên, Đặng Thanh Nhân (2015) và Vũ Thị Cúc (2018) cũng cho thấy người quyết định chính việc chăm sóc con cái là người vợ. Nghiên cứu của Trần Hạnh

Minh Phương (2017) lại cho thấy một màu sắc khác khi tỷ lệ hai vợ chồng cùng bàn bạc đưa ra quyết định là lớn nhất, sau đó mới đến tỷ lệ người vợ có quyết định và cuối cùng là quyền quyết định của người chồng trong hoạt động này. Điều này cho thấy xu hướng bình đẳng giới trong gia đình khá rõ nét.

Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ, chồng trong hoạt động chăm sóc sức khỏe của các thành viên trong gia đình, Lê Việt Nga (2017) chỉ ra học vấn của vợ chồng càng cao thì tỷ lệ quyết định việc chăm sóc người già, ốm của vợ càng cao và sự bàn bạc giữa hai vợ chồng càng giảm. Ngoài yếu tố về trình độ học vấn, tác giả cũng chỉ ra thu nhập và nơi ở cũng là một trong những yếu tố tác động đến quyền quyết định trong hoạt động này. Vợ có thu nhập cao hơn chồng và vợ chồng sống xa cách hoặc sống chung với bố mẹ vợ thì tỷ lệ quyết định chính việc chăm sóc người già, ốm của vợ có xu hướng tăng cao.

Nhìn chung, khảo sát một số hoạt động trong gia đình như chi tiêu, mua sắm đồ dùng đắt tiền, hoạt động sản xuất/kinh doanh và định hướng việc làm gia đình, chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình cho thấy bức tranh đa sắc màu trong quyền quyết định của vợ, chồng. Mỗi hoạt động khác nhau đều cho thấy sự khác biệt về giới trong việc thể hiện quyền quyết định. Có một số hoạt động theo truyền thống là của người vợ hoặc người chồng nhưng nhìn chung xu hướng bình đẳng hóa trong việc ra quyết định ngày càng rõ nét bởi trong mỗi hoạt động, tuy có những kết quả nghiên cứu khác nhau nhưng tựu chung đều có tỷ lệ về việc vợ chồng cùng nhau bàn bạc đưa ra quyết định. Điều này cho thấy sự chuyển dịch trong xu hướng bình đẳng hóa và nâng cao vai trò vị thế của người vợ trong gia đình. Những phân tích thực trạng về quyền ra quyết định và các yếu tố ảnh hưởng sẽ là cứ liệu bổ sung cho bức tranh tổng thể khi xem xét quan niệm cũng như thực trạng về quyền quyết định của vợ và chồng trong gia đình.

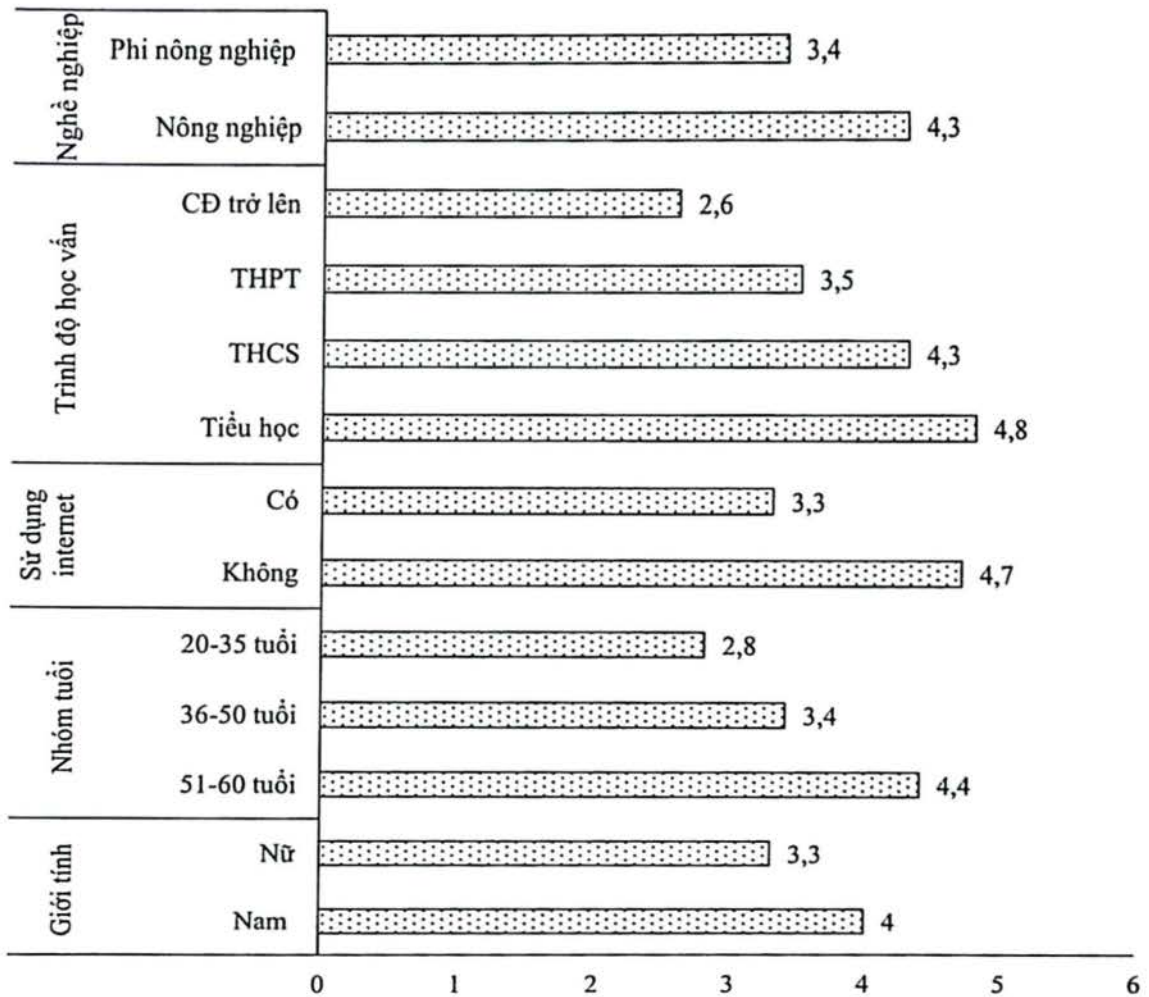
4. Những kết quả/phát hiện chính

4.1. Quan điểm về quyền của nam giới trong gia đình

Bài viết tìm hiểu quan điểm của người dân về quyền quyết định của người chồng trong gia đình qua mức độ đồng ý theo thang điểm 10 với nhận định “Trong gia đình, quyền của người đàn ông phải được tôn trọng trong bất cứ hoàn cảnh nào”. Điểm số càng gần với điểm 10 càng thể hiện quan điểm đồng ý với quyền lực của nam giới trong gia đình. Số liệu cho thấy điểm trung bình được ghi nhận là 3,6. Điều đó có nghĩa là nhìn chung người dân không đồng ý với

nhận định này. Theo hướng tiếp cận bình đẳng giới, không đồng ý với nhận định này có thể gắn với thái độ tích cực, không chấp nhận quyền độc tôn của nam giới trong gia đình.

Biểu đồ 1. Quan điểm của người dân về quyền của nam giới trong gia đình chia theo các nhóm xã hội (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2022.

Phân tích sự khác biệt giữa các nhóm xã hội về quan điểm này, số liệu ở Biểu đồ 1 cho thấy khá rõ ràng sự ảnh hưởng của yếu tố hiện đại hóa. Những người làm các công việc phi nông nghiệp có xu hướng không đồng ý với nhận định nhiều hơn so với nhóm làm công việc nông nghiệp với điểm trung bình tương ứng là 3,4 và 4,3 điểm. Xu hướng đồng ý với nhận định này cũng giảm cùng với sự tăng lên của trình độ học vấn và độ tuổi. Điểm trung bình của nhóm có trình độ cao đẳng trở lên là 2,6 trong khi điểm số của nhóm có trình độ ở bậc tiểu học là 4,8. Điểm trung bình của nhóm tuổi 20-35 là 2,8 điểm, so với 4,4

điểm của nhóm 51-60. Nhóm có sử dụng Internet có xu hướng không đồng ý với nhận định cao hơn so với nhóm không sử dụng Internet (3,3 điểm so với 4,7 điểm). Số liệu cũng cho thấy nam giới có xu hướng đồng ý với nhận định này nhiều hơn so với nữ giới.

Như vậy, số liệu phân nào minh chứng cho giả thuyết đưa ra là những người làm công việc phi nông nghiệp, hoặc có học vấn cao hơn, hoặc có sử dụng Internet, hoặc ở độ tuổi trẻ hơn, ít ủng hộ sự duy trì quyền lực tuyệt đối của người đàn ông trong gia đình.

4.2. Thực trạng quyền quyết định giữa vợ và chồng trong các việc quan trọng của gia đình

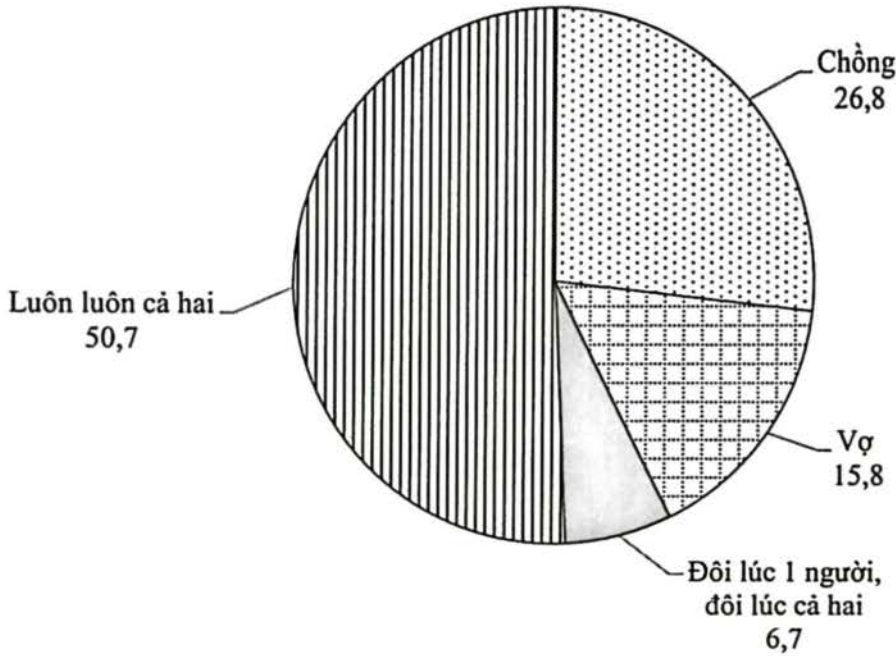
Thực trạng quyền quyết định giữa vợ và chồng trong các việc quan trọng của gia đình được tìm hiểu thông qua câu hỏi “Giữa hai vợ chồng ông/bà, ai là người có quyền quyết định các việc quan trọng trong gia đình?” (vợ; chồng; đôi lúc một người, đôi lúc cả hai; luôn luôn là cả hai).

Số liệu ở Biểu đồ 2 về thực trạng quyền quyết định của vợ và chồng trong gia đình theo yếu tố giới tính cho thấy, tỷ lệ trả lời ở phương án “luôn luôn là cả hai” chiếm số lượng lớn nhất (50,7%). Điều này cho thấy xu hướng bình đẳng giới trong việc ra quyết định của vợ và chồng trong gia đình. Ngoài ra, với phương án người chồng là người có quyền quyết định trong gia đình cũng chiếm ưu thế hơn so với hai lựa chọn là người vợ và đôi lúc một người, đôi lúc cả hai (26,8% so với 15,8% và 6,7%). Kết quả so sánh này cho thấy người chồng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của gia đình.

Với kết quả tương quan ở thực trạng quyền quyết định giữa vợ và chồng trong các việc quan trọng của gia đình theo yếu tố học vấn cho thấy, học vấn càng cao thì xu hướng quyết định của hai vợ chồng càng lớn. Điều này phù hợp với giả thuyết đưa ra khi trình độ học vấn tương ứng với quyền ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình. Phương án “luôn luôn là cả hai” chiếm ưu thế nổi trội khi có tới 50,7% trên tổng số 601 người được hỏi. Đặc biệt, kết quả cụ thể ở các bậc học khác nhau đã chỉ ra sự tác động của trình độ học vấn đến quyền quyết định của vợ và chồng trong gia đình như tiểu học chiếm 43,2%, THCS 46,2%, THPT 47,5% và cao nhất là CĐ trở lên 60,2%. Trong khi đó, học vấn cao hay thấp thì tỷ lệ riêng vợ hay chồng quyết định không cho thấy một xu hướng nào. Còn phương án “đôi lúc một người, đôi lúc cả hai” chiếm tỷ lệ nhỏ so với các kết quả khác (Bảng 1). Như vậy, có thể thấy học vấn là yếu tố quan trọng trong việc thay đổi nhận thức về bình đẳng giới.

Học vấn của người trả lời càng cao thì mức độ ủng hộ phương án “luôn luôn là cả hai” càng cao.

Biểu đồ 2. Thực trạng quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình (%)



Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2022.

Bảng 1. Thực trạng quyền quyết định của vợ chồng theo yếu tố học vấn (%)

Người có quyền quyết định	Trình độ học vấn				Tỷ lệ chung
	Tiểu học	THCS	THPT	CD trở lên	
Chồng	23,5	30,8	32,1	20,4	26,8
Vợ	28,4	19,6	12,3	10,0	15,8
Đôi lúc một người, đôi lúc cả hai	3,2	3,5	8,0	9,5	6,7
Luôn luôn là cả hai	43,2	46,2	47,5	60,2	50,7
Tổng (N)	95	143	162	201	601

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2022.

Quyền quyết định của vợ chồng theo độ tuổi có sự khác biệt ở các nhóm tuổi khác nhau, ở nhóm trẻ tuổi có xu hướng bình đẳng hơn so với nhóm cao tuổi. Đa số người được hỏi đều tập trung vào phương án “luôn luôn là cả hai”. Điều này cho thấy sự phù hợp đối với giả thuyết đưa ra, tuổi càng trẻ thì quyền quyết định càng cao. Tỷ lệ ủng hộ phương án này ở nhóm tuổi 20-35 chiếm ưu thế hơn cả (58,5%), và tỷ lệ đồng tình này cũng giảm dần theo các nhóm tuổi 36-50 (49,8%), 51-60 (46,9%). Tuy nhiên, xét trên bình diện chung, mức độ chênh lệch ở các nhóm tuổi không quá lớn. Điều này cho thấy yếu tố độ tuổi cũng chỉ một phần nào đó có ảnh hưởng đến quyền ra quyết định giữa vợ và chồng, không quá rõ nét so với các yếu tố như giới tính, trình độ học vấn hay nghề nghiệp.

Ngoài ra, điểm chú ý là ở các gia đình lớn tuổi, vai trò của người chồng đang được thể hiện rõ hơn (32,4% so với 16,4%). Ngược lại, ở các gia đình trẻ thì xu hướng này giảm vai trò người chồng, tăng vai trò của hai vợ chồng (20,0% so với 58,5%).

Bảng 2. Thực trạng quyền quyết định của vợ chồng theo yếu tố độ tuổi (%)

Người có quyền quyết định	Nhóm tuổi người trả lời			Tỷ lệ chung
	20 đến 35	36 đến 50	51 đến 60	
Chồng	20,0	25,9	32,4	26,8
Vợ	14,1	16,2	16,4	15,8
Đôi lúc một người, đôi lúc cả hai	7,4	8,1	4,3	6,7
Luôn luôn là cả hai	58,5	49,8	46,9	50,7
Tổng (N)	135	259	207	601

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2022.

Kết quả khi xét tương quan theo yếu tố nghề nghiệp cho thấy, phương án “luôn luôn là cả hai” tập trung đa số người trả lời, trong đó những người trả lời thuộc nghề phi nông nghiệp đồng ý với phương án này chiếm tỷ lệ cao nhất (53,8%). Với phương án người chồng là người có tiếng nói và có quyền quyết

định trong gia đình cho thấy một kết quả ngược lại, tỷ lệ đồng tình phương án này tập trung nhiều ở những người làm nghề nông nghiệp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với giả thuyết đưa ra và phù hợp với xu hướng bình đẳng giới khi đa số người trả lời thuộc nghề phi nông nghiệp tập trung tỷ lệ ở phương án “luôn luôn là cả hai”.

Bảng 3. Thực trạng quyền quyết định của vợ chồng theo yếu tố nghề nghiệp (%)

Người có quyền quyết định	Nghề nghiệp		Tỷ lệ chung
	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	
Chồng	37,7	25,7	28,2
Vợ	18,9	13,8	14,9
Đôi lúc một người, đôi lúc cả hai	3,8	6,7	6,1
Luôn luôn là cả hai	39,6	53,8	50,9
Tổng (N)	106	405	511

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2022.

Xét theo việc tiếp cận và sử dụng Internet cho thấy, nhóm người trả lời có sử dụng Internet có tỷ lệ cả hai cùng quyết định các công việc gia đình cao hơn so với nhóm không sử dụng Internet (53,6% so với 40,3%). Điều này cho thấy mức độ phù hợp với giả thuyết ban đầu đã đưa ra.

Tựu chung, khi xét tương quan theo các yếu tố về giới tính, trình độ học vấn, độ tuổi, nghề nghiệp và việc sử dụng Internet cho thấy, các yếu tố này có ảnh hưởng nhất định đến quyền ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình. Điều này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết đã đưa ra. Đặc biệt, tỷ lệ đồng thuận tập trung nhiều ở phương án “luôn luôn là cả hai” đã cho thấy sự bình đẳng giới trong việc ra quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình. Tuy nhiên, so sánh mức độ ảnh hưởng ở các yếu tố cho thấy yếu tố về giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp thể hiện rất rõ sự ảnh hưởng của mình, còn yếu tố về độ tuổi, việc sử dụng Internet có tỷ lệ ảnh hưởng khá khiêm tốn. Mặc dù mỗi yếu tố có những mức độ ảnh hưởng với tỷ lệ nhất định nhưng xét tương quan cả năm yếu tố đều phù hợp với giả thuyết đưa ra.

5. Kết luận

Qua việc vận dụng lý thuyết hiện đại hóa, vai trò của các yếu tố học vấn, độ tuổi, nghề nghiệp, việc sử dụng Internet đã được kiểm chứng khi tìm hiểu quyền quyết định giữa vợ và chồng trong các hoạt động gia đình. Nghiên cứu cho thấy quyền quyết định nằm ở nhóm có độ tuổi trẻ hơn, có học vấn cao hơn, có tiếp cận với Internet; nhóm làm việc phi nông nghiệp cũng cho thấy nhận thức và thực tế rõ ràng về vai trò của quyền quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình.

Nhìn chung, sự nâng lên về trình độ học vấn của nam giới và nữ giới cùng với sự tiếp cận Internet ngày càng nhiều đã cho thấy xu hướng bình đẳng giới giữa vợ và chồng trong việc ra quyết định trong gia đình. Đặc biệt là, tỷ lệ ủng hộ phương án “luôn luôn là cả hai” trong quyền quyết định các việc quan trọng trong gia đình đã cho thấy xu hướng bình đẳng giới, và xu hướng này hoàn toàn phù hợp với nhận định mà giả thuyết đã đưa ra.

Tài liệu trích dẫn

- Đặng Thanh Nhân. 2015. “Quyền quyết định của người vợ trong việc giáo dục và chăm sóc con cái trong gia đình”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 25, số 6, tr. 48-56.
- Lê Việt Nga. 2017. *Quyền quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp cơ sở.
- Nguyễn Hữu Minh. 2016. *Hôn nhân trong xã hội Việt Nam đương đại*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh. 2020. “Quan niệm của cán bộ và người dân vùng dân tộc thiểu số về quyền ra quyết định trong gia đình: thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 30, số 1, tr. 3-15.
- Nguyễn Hữu Minh. 2021. “Phân bố giữa vợ và chồng về quyền quyết định các công việc trong gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3, tr. 3-13.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng. 2019. “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ và chồng đối với các công việc quan trọng của gia đình: những phát hiện mới từ Điều tra gia đình 2017”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1, tr. 3-17.
- Nguyễn Hữu Minh, Đặng Thị Hoa. 2020. *Thực hiện bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

- Trần Hạnh Minh Phương. 2017. "Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tập 50, phần D, tr. 96-107.
- Trần Thị Thanh Loan. 2016. "Các yếu tố tác động đến quyền quyết định của phụ nữ trong chi tiêu gia đình". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6, tr. 54-67.
- Trần Thị Vân Nương. 2015. "Quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến con cái của vợ và chồng trong các gia đình miền núi biên giới phía Bắc Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 5, tr. 103-115.
- Vũ Thị Cúc. 2018. "Quyền quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Nam Định giai đoạn 1976-1986". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6, tr. 75-85.